

Ngày: 14/01/2020

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo khác không kháng cáo, không bị

kháng cáo, kháng nghị; người bị hại không kháng cáo, Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng ngày 22-23/4/2018, Nguyễn Đình Đ nói với Nguyễn Quang K, Lê Thanh M, Hoàng A việc Đào Quang H có xe Ranger Rover muốn bán, cả bọn thống nhất thuê xe ô tô tự lái ở Hà Nội rồi mang đi cầm cố, lấy tiền mua xe của H. Đồng thời, Đ gọi điện thoại rủ Nguyễn Đình T cùng tham gia và cung cấp ảnh của T để H làm giấy tờ giả. Sau đó, Đ thuê xe ô tô tự lái hiệu Altis ở Hà Nội mang về Quảng Yên để K và Hoàng A mang đi cầm được 350 triệu; Đ, K, M, Hoàng A, T đi xe taxi lên Hà Nội. Đ và K trực tiếp đến gặp H để mua chiếc xe ô tô hiệu Land Rover - Ranger Rover gắn biển kiểm soát (BKS) 14A-136.38 giá 330 triệu đồng, cùng bộ giấy tờ giả gồm giấy chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô, chủ xe là Nguyễn Thanh N, trong đó chứng minh nhân dân dán ảnh của T. Sau đó, M, T, Hoàng A đi xe taxi về trước để canh đường, cảnh giới tránh sự kiểm tra của các cơ quan chức năng, còn K và Đ thay nhau điều khiển xe về thị xã Quảng Yên. Đến chiều ngày 26/4/2018, thông qua giới thiệu của M, K và T trực tiếp vào hiệu cầm đồ của chị Nguyễn Thị L (trú tại tổ 3, khu 1, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long) để lừa cầm cho chị L chiếc xe Land Rover - Ranger Rover lấy 700 triệu đồng. Số tiền chiếm đoạt được, một phần dùng để chuộc lại chiếc xe ô tô tự lái hiệu Altis đã cầm để lấy tiền mua xe của H, còn lại cả nhóm chia nhau ăn tiêu hết.

Với thủ đoạn như trên Đ và đồng bọn đã tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội cụ thể như sau:

- Khoảng ngày 30/4/2018, Đ bàn với K, Hoàng A, M mua xe ô tô Toyota Camry màu đen đời 2010 của H và thống nhất để Hoàng A đứng tên trong giấy đăng ký xe. Đ cung cấp ảnh của Hoàng A cho H làm giấy tờ giả. Để có tiền mua xe, M thuê xe ô tô tự lái hiệu Mazda3 để Đ, K mang đi cầm lấy 460 triệu. Sau đó K, Đ, Hoàng A, M cùng đi Hà Nội. Đ và K trực tiếp gặp và giao cho H số tiền 300 triệu đồng để mua chiếc xe ô tô hiệu Toyota Camry màu đen gắn BKS 14A-198.68 cùng bộ giấy tờ giả tên chủ xe là Hiếu, chứng minh nhân dân dán ảnh của Hoàng A. Sau đó, K và Đ điều khiển xe về thành phố Uông Bí. Sáng hôm sau, M, K và Hoàng A mang xe ô tô này đến nhà anh Ngô Doãn D (trú tại khu 9, phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên) cầm lấy 500 triệu. Số tiền có được, một phần dùng để chuộc lại chiếc xe Mazda3, số còn lại cả nhóm chia nhau ăn tiêu hết.

- Tiếp đến khoảng ngày 04-5/5/2018, Đ bàn bạc với K, M, Hoàng A cùng mua chiếc xe ô tô hiệu Toyota Camry màu trắng đời 2016 của H và thống nhất để K đứng tên trong đăng ký xe. K liên hệ với H gửi ảnh và thông tin để H làm giấy tờ giả. Đ thuê một chiếc xe ô tô hiệu Camry để K và Hoàng A mang đi cầm

cổ tại Quảng Yên lấy 730 triệu đồng, rồi cả nhóm cùng đi Hà Nội. K và Đ trực tiếp gặp và mua của H chiếc xe ô tô hiệu Toyota Camry đời 2016 màu trắng, gắn BKS 14A-261.92 cùng bộ giấy tờ giả, tên chủ xe là Nguyễn Thanh Tùng, giấy chứng minh nhân dân dán ảnh K với giá 720 triệu đồng. Ngày hôm sau, K mang chiếc xe này đến cầm cho anh Ngô Doãn D lấy số tiền 01 tỷ 200 triệu đồng. Số tiền có được, một phần dùng để chuộc lại chiếc xe Camry phần còn lại cả nhóm chia nhau.

- Tiếp theo vào khoảng ngày 06/5/2018, T gọi điện thông báo cho K biết anh Phạm Quang S là người quen của anh Nguyễn Mạnh L (bạn T) có một chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry màu đen đời 2016 không có giấy tờ cần bán với giá 650 triệu đồng. K bảo T đến xem xe và gửi ảnh xe cùng số điện thoại của S để K liên hệ mua bán xe với S. Sau khi thống nhất giá chiếc xe ô tô này là 630 triệu đồng, K, Đ, Hoàng A lên Hà Nội, gặp T và S mua xe ô tô Camry màu đen gắn BKS 30A-161.60. K đưa cho T 630 triệu đồng để T giao tiền cho S và một người đàn ông (theo S khai người này tên là Kiên - không rõ lai lịch địa chỉ, là chủ chiếc xe bán cho T, Kiên nói nguồn gốc chiếc xe này là hợp pháp) và nhận xe. Sau đó, Đ liên hệ với H cung cấp thông tin và thuê H làm 01 bộ giấy tờ giả của chiếc xe ô tô vừa mua, trong đó tên chủ xe là Nguyễn Thanh Tùng, chứng minh nhân dân dán ảnh K. Khoảng 01 giờ sau, H giao giấy tờ giả cho Đ, Đ trả công cho H 05 triệu đồng và cùng K, Hoàng A điều khiển chiếc xe về Quảng Yên. Ngày hôm sau, K mang xe đến cầm cho anh Ngô Doãn D nhưng anh L không đồng ý, đồng thời yêu cầu K phải chuộc lại 02 chiếc xe đã cầm trước đó tại hiệu cầm đồ của anh L do đến thời hạn trả tiền. Sau khi thỏa thuận, anh L đồng ý để K mang chiếc xe ô tô hiệu Toyota gắn BKS 30A-161.60 đi cầm cố ở chỗ khác để trả tiền cho anh L. Khoảng 10 giờ ngày 07/5/2018, K mang chiếc xe ô tô này đến cầm cho chị L lấy 1 tỷ 100 triệu đồng. Tiếp đó, K gọi Hoàng A rồi cả hai mang xe ô tô hiệu Camry đen đời 2010 gắn BKS 14A-198.68 đến cầm cố cho bà L lấy 500 triệu đồng. Số tiền cầm hai xe này, K trả cho anh L 1,4 tỷ đồng. Do nhóm của K chưa trả đủ tiền nên anh L giữ lại chiếc xe ô tô hiệu Toyota Camry màu trắng gắn BKS 14A-261.92 và yêu cầu trả đủ tiền. Ngày hôm sau, Đ và M cầm cố chiếc xe do M thuê để lấy tiền trả cho anh L, chuộc lại chiếc xe ô tô gắn BKS 14A-261.92 với mục đích mang đi cầm cố cho người khác. Do K đang ở Đà Nẵng nên Đ gọi điện thuê H làm bộ giấy tờ giả của xe ô tô, lấy tên chủ xe là Nguyễn Hoàng Tuấn, chứng minh nhân dân giả dán ảnh Đ. H đã làm giấy tờ giả theo yêu cầu và chuyển xuống cho Đ. Đến ngày 10/5/2018, K liên hệ với chị L để Đ mang xe ô tô đến cầm cho chị L lấy 1.040.000.000đ, nhưng chị L không đủ tiền. Đ đề nghị chị L cho chuộc lại chiếc xe ô tô gắn BKS 14A-198.68 do K và Hoàng A cầm cố trước đó. Chị L đồng ý và yêu cầu Hoàng A phải đến làm thủ tục, nhận lại xe. Đ gọi Hoàng A đến chuộc lại xe. Sau khi trừ số tiền Hoàng A cầm cố xe trước đó, chị L đưa cho Đ 540 triệu đồng, Đ trả cho

chị L 10 triệu đồng là tiền lãi. Số tiền còn lại, cả nhóm dùng để chuộc chiếc xe đã cầm trước đó và mang chiếc xe Hoàng A vừa chuộc lại về nhà M cất giấu.

Khoảng 02 ngày sau, Đ gọi điện cho H cung cấp thông tin và thuê H làm một bộ giấy tờ giả của chiếc xe ô tô BKS 14A-198.68, chủ xe mang tên Nguyễn Thanh Tùng, chứng minh nhân dân giả dán ảnh của Đ. Ngày 13/5/2018, thông qua giới thiệu của M, K và Đ mang chiếc xe này đến cầm cho chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B lấy 500 triệu đồng, (trong đó anh B có 450 triệu, chị A có 50 triệu đồng). K đã đưa lại cho chị A 20 triệu đồng để chuyển 15 triệu cho chị L trả tiền lãi do cầm cố xe, cho chị A 05 triệu đồng. Số tiền còn lại, được chia cho K, Đ, T, M và chuộc lại chiếc xe ô tô do M cầm. Đến ngày 18/5/2018, K đến gặp anh B lấy thêm 50 triệu đồng và làm thủ tục bán chiếc xe này cho anh B.

- Tiếp sau vào khoảng ngày 22/5/2018, Đ bàn với K và T mua chiếc xe ô tô hiệu Toyota Camry màu vàng cát của H và thống nhất giấy tờ giả dán ảnh của T. Đ liên lạc với H, cung cấp thông tin để H làm giấy tờ giả. Sau đó Đ thuê xe tự lái hiệu Mazda CX5 ở Hà Nội, mang về Q cầm lấy 450 triệu, rồi cùng với K đến gặp và mua của H chiếc xe ô tô hiệu Toyota Camry màu vàng cát gắn BKS 14A-046.30 cùng bộ giấy tờ giả tên chủ xe là Nguyễn Thanh N, chứng minh nhân dân dán ảnh của T với giá 570 triệu đồng, rồi Đ, K, T đi chiếc xe này về Q. Ngày 23/5/2018, K và T mang xe đến cầm cố cho chị Hoàng Thị D lấy 800 triệu. Chị D đưa trước cho T và K 700 triệu đồng; 02 ngày sau, K đến lấy thêm 50 triệu đồng nữa. Số tiền có được, một phần dùng để chuộc lại chiếc xe Mazda CX5 còn lại Đ, T, K chia nhau.

- Sau đó vào khoảng ngày 27/5/2018, H thông báo có một chiếc xe ô tô hiệu Toyota Corolla màu trắng cần bán giá 430 triệu đồng, K và Đ đồng ý mua và thông báo cho H để H làm giấy tờ giả mang tên Nguyễn Hoàng Tuấn, dán ảnh của Đ. K đã thuê một chiếc xe ô tô hiệu Mazda, mang đi cầm cố lấy 450 triệu đồng, rồi cùng Đ lên Hà Nội gặp và mua của H chiếc xe ô tô hiệu Toyota Corolla màu trắng gắn BKS 14A-261.82 cùng bộ giấy tờ giả với giá đã thỏa thuận. Sau khi mua được xe, Đ và K điều khiển xe về nhà nghỉ Chiến Công, thuộc phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long. Đến chiều ngày 29/5/2018, theo chỉ dẫn của K, Đ mang xe đến hiệu cầm đồ K Linh 9 thuộc phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long gặp anh Trịnh Nguyên S và anh Phạm Thanh T đặt vấn đề cầm chiếc xe này lấy 600 triệu đồng, anh S đồng ý nhưng sau khi phát hiện số giấy tờ Đ cung cấp là giả nên trình báo Công an bắt giữ Đ.

Ngoài ra, khoảng ngày 08/5/2018, do không có tiền để trả cho anh Ngô Doãn D để chuộc lại chiếc xe ô tô hiệu Toyota Camry gắn BKS 14A-261.92, M và Đ đã bàn nhau mang chiếc xe ô tô hiệu Mazda 3 BKS 14A-159.25 do M thuê của người khác đến cầm cho anh Phạm Văn O để vay tiền. Đ thuê H làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô chủ xe mang tên Nguyễn Hoàng Tuấn. Sau khi có giấy tờ giả, qua giới thiệu của M, Đ đã đến cầm cố xe cho anh O lấy 250 triệu

đồng và đưa cho anh O giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 405830. Khoảng 2-3 ngày sau, Đ cùng M đến trả tiền cho anh O để chuộc lại xe ô tô nhưng không lấy lại giấy chứng nhận đăng ký xe giả.

Quá trình điều tra đã thu giữ:

- Thu của Nguyễn Đình Đ: 01 chứng minh nhân dân có số 102263856 mang tên Nguyễn Hoàng Tuấn, 01 điện thoại di động hiệu Iphone Plus màu bạc gắn số sim điện thoại 0964541299; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu màu vàng gắn số sim điện thoại 0973612534; 01 giấy phép lái xe và 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietcombank mang tên Đ. (Đ đã được trả lại CMND và Giấy phép lái xe và thẻ ATM).

- Thu của Nguyễn Quang K 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia đã qua sử dụng gắn 01 sim điện thoại số 01653762631, 01 đồng hồ đeo tay mặt sau có ghi chữ Sapphire 10ATM JAPAN QUARTZ;

- Thu của Nguyễn Đình T 01 điện thoại di động hiệu Iphone gắn sim điện thoại số 0936259346, 01 điện thoại di động hiệu Nokia gắn số sim điện thoại 0385475969 và 01 sim điện thoại.

- Thu của anh Trịnh Nguyên S: 01 xe ô tô hiệu Toyota Corolla gắn BKS 14A-261.82; 01 chứng minh nhân dân có số 102263856 mang tên Nguyễn Hoàng Tuấn; 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 119498 và 01 giấy chứng nhận kiểm định số 1080211 đều của xe ô tô BKS 14A-261.82; 01 tờ Hợp đồng cho cá nhân vay tiền đề ngày 29/5/2018.

- Thu của anh Nguyễn Văn B: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry màu sơn đen gắn BKS 14A-198.68, số khung JTNBE46K093090328, số máy 2AZ8683092; 01 chứng minh nhân dân số 102600489 mang tên Nguyễn Thanh Tùng; 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 580340 và 01 giấy chứng nhận kiểm định đều của xe ô tô BKS 14A-198.68; 01 bản viết tay giấy bán xe, 01 bản đánh máy giấy bán xe đều đề ngày 13/5/2018.

- Thu của chị Nguyễn Thị L: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry màu trắng gắn BKS 14A-261.92, số Vin 4T1BF1FK5GU130313, số máy 2ARA719831; 01 xe ô tô nhãn hiệu Land Rover, số loại Ranger Rover màu đen gắn BKS 14A 136.38, số khung SALSF25456A915257, số máy 22222222KJHJH140605B23045448PN; 01 xe mô tô nhãn hiệu Toyota Camry màu đen gắn BKS 30A-161.60, số Vin 4T1BF1FK8GU566881, số máy 2ARA824936; 03 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thanh Tùng, Nguyễn Hoàng Tuấn; 03 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và 03 giấy chứng nhận kiểm định của các xe ô tô BKS 14A-136.38, 30A-161.60, 14A-261.92; 03 Hợp đồng cầm cố tài sản vào các ngày 26/4/2018, 07/5/2018, 10/5/2018.

- Thu của chị Hoàng Thị D: 01 xe ô tô hiệu Toyota Camry màu vàng gắn BKS 14A-046.30, số Vin 4T1BF1FK6EU023585, số máy 2ARD616576; 01

giấy chứng minh nhân dân số 101954624 mang tên Nguyễn Thanh N; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 580340 và 01 Giấy chứng nhận kiểm định số 6487625 đều của xe ô tô BKS 14A-046.30; 01 Giấy bán xe đề ngày 23/5/2018.

- Thu của anh Nguyễn Văn O: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 405830 chủ xe tên Nguyễn Hoàng Tuấn.

Tại các Bản kết luận giám định số 84, 85 cùng ngày 07/6/2018; số 126 ngày 30/7/2018; số 128 ngày 16/8/2018, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q kết luận: 06 giấy chứng minh nhân dân và 06 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (đã thu giữ) là giả, không đúng mẫu.

Tại kết luận giám định số 203 ngày 04/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Q kết luận: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 405830 là giả.

Tại các Bản kết luận giám định số 68 ngày 01/8/2018 và số 73 ngày 05/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q kết luận: các xe ô tô gắn BKS 14A-198.68, 14A-261.92, 14A-136.38, 30A-161.60, 14A-046.30 số vin, số máy không bị tẩy xóa; xe ô tô gắn BKS 14A-261.82 số khung kim loại tại vị trí đóng số bị cắt bỏ, không xác định được số nguyên thủy, Hàng chữ số: RL4BU-9HE7G7510745 không phải là số khung của xe, số máy bị tẩy xóa số nguyên thủy còn xác định được là 1ZR...

Tại Công văn số 6176 ngày 27/9/2018 của Cục đăng kiểm Việt Nam xác định: các xe ô tô có số khung, số máy thu giữ không có trong cơ sở dữ liệu tra cứu về kiểm định của Cục đăng kiểm Việt Nam.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội nêu trên. Ngoài ra, Đào Quang H còn khai: H quen đối tượng tên Minh (không rõ lai lịch địa chỉ) qua mạng xã hội và được Minh nói cho biết việc Minh có xe ô tô đăng ký biển kiểm soát của Lào, Campuchia nhưng hết hạn lưu hành tại Việt Nam, nếu muốn phải đăng ký gia hạn nhưng 4-5 tháng mới lấy được giấy tờ. H trao đổi với Đ, Đ đồng ý mua xe và bảo H làm giấy tờ giả cho Đ. Đ gửi thông tin cho H để H chuyển cho Minh làm giấy tờ giả; mỗi xe bán được, H được hưởng 02 triệu đồng.

Tại Bản cáo trạng số 83/CT-VKSQN-P3 ngày 14/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Q đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Đình T về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2019/HSST ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Q đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Đình T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s

khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 55 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Đ 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/5/2018.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 55 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/02/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác; quyết định về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/9/2019, bị cáo Nguyễn Đình Đ và bị cáo Nguyễn Đình T kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Đình Đ trình bày đã có thời gian phục vụ quân đội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Đình T nêu lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn; gia đình bị cáo có công với cách mạng, bố đẻ của bị cáo trước đây là bộ đội đóng quân tại vùng biên giới hải đảo và ông nội của bị cáo là thương binh. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Đình T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ và bị cáo T; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự bác kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Đình T đều thừa nhận hành vi phạm tội; lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo Nguyễn Quang K, Lê Thanh M, Đào Quang H; phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai của các nhân chứng cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 26/4/2018 đến ngày 29/5/2018, Nguyễn Đình Đ,

Nguyễn Quang K, Lê Thanh M, Nguyễn Đình T, Nguyễn Hoàng A đã cùng thống nhất, bàn bạc mua của Đào Quang H 05 xe ô tô không rõ nguồn gốc cùng 05 bộ giấy tờ giả của xe ô tô; mua của Phạm Quang S 01 xe ô tô không rõ nguồn gốc sau thuê H làm bộ giấy tờ giả, rồi mang các xe ô tô này đến cầm cố cho các anh, chị Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị A, Hoàng Thị D, Trịnh Nguyên S để chiếm đoạt tổng số tiền 4.740.000.000đ (Bốn tỷ bảy trăm bốn mươi triệu đồng). (Trường hợp anh Trịnh Nguyên S đã thu hồi lại được số tiền chiếm đoạt là 600.000.000 đồng). Trong đó: Nguyễn Đình Đ tham gia 06 vụ, cùng đồng phạm chiếm đoạt 4.690.000.000đ; Nguyễn Đình T tham gia 03 vụ, cùng đồng phạm chiếm đoạt 2.550.000.000đ. Ngoài ra, Nguyễn Đình Đ và Lê Thanh M còn sử dụng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả đã nhờ Đào Quang H làm để cầm cố xe ô tô, vay tiền của anh Nguyễn Văn O. Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Đình T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân. Ngoài ra, hành vi của các bị cáo còn trực tiếp xâm phạm tính đúng đắn xác thực của nội dung các loại giấy tờ, văn bản chính thức của các cơ quan tổ chức, làm ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình Đ: Trong vụ án có tính chất đồng phạm này, bị cáo Nguyễn Đình Đ giữ vai trò đầu vụ vì là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác tham gia phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đ. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Đ đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ bị áp dụng tình tiết tăng nặng: “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; từ đó đã xử phạt bị cáo Đ 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 16 năm 06 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đ trình bày đã có thời gian phục vụ quân đội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình T: Bị cáo Nguyễn Đình T tham gia 03 vụ, cùng đồng phạm chiếm đoạt 2.550.000.000đ; bị cáo có tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo; tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 15 năm tù. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn; gia đình bị cáo có công với cách mạng, bố đẻ của bị cáo trước đây là bộ đội đóng quân tại vùng biên giới hải đảo và ông nội của bị cáo là thương binh; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Đình T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo; không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Đình T; sửa quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Đình T.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Đình T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 55 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Đ 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/5/2018.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 55 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 14 (mười

bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/02/2019.

Án phí: Các bị cáo Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Đình T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Q;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Q;
- Cục THADS tỉnh Q;
- Các bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình